

Mối liên hệ giữa đặc tính của giám đốc điều hành và mức độ công bố bắt buộc thông tin môi trường CỦA DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT NIÊM YẾT TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

 TS. Dương Hoàng Ngọc Khuê*

Nhận: 16/05/2022

Biên tập: 17/05/2022

Duyệt đăng: 28/05/2022

Tóm tắt

Nghiên cứu này, nhằm xác định mối quan hệ giữa đặc điểm của giám đốc điều hành (CEO) và mức độ công bố bắt buộc thông tin môi trường của các doanh nghiệp (DN) sản xuất niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Để đánh giá mức độ công bố bắt buộc thông tin về môi trường, phương pháp chỉ số công bố không trọng số đã được sử dụng. Chỉ số công bố thông tin môi trường của một DN được lập gồm 10 mục, trên cơ sở Thông tư 155/BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đặc điểm của các giám đốc điều hành bao gồm tuổi (AGE), giới tính (GENDER), trình độ học vấn (EDU), chuyên ngành kế toán hoặc tài chính (MAJOR) và là người nước ngoài (FORN). Phương pháp hồi quy được sử dụng, để xác định mối quan hệ giữa đặc điểm của các giám đốc điều hành và mức độ công bố bắt buộc thông tin môi trường. Bài báo được thực hiện, dựa trên báo cáo thường niên năm 2020 của 160 công ty sản xuất niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Kết quả chỉ ra rằng, (1) mức độ công bố bắt buộc thông tin môi trường vào năm 2020 là thấp (40,06%); (2) yếu tố tuổi của CEO có liên quan đến mức độ công bố bắt buộc thông tin môi trường. Trong khi, các yếu tố giới tính (GENDER); trình độ học vấn (EDU); chuyên ngành kế toán hoặc tài chính (MAJOR); người nước ngoài (FORN) không có ý nghĩa thống kê.

Từ khóa: công bố; thông tin môi trường; công bố bắt buộc; đặc điểm của CEO.

Abstract

This study aims to define the relationship between chief executive officers (CEOs) and the level of environmental information mandatory disclosure by manufacturing companies listed on the Hanoi Stock Exchange (HNX). To evaluate the environmental information mandatory disclosure level, the unweighted disclosure index method was used. The disclosure indices of a company were prepared with 10 items base on circular 155/BTC guiding for information disclosure on the securities market. Chief executive officers' characteristics include CEO's age (AGE), gender (GENDER), education (EDU), major in the finance or accounting field (MAJOR), and CEO is a foreigner (FORN). The regression method was used to determine the relationship between chief executive officers' characteristics and the mandatory disclosure level of environmental information. The paper has been conducted on the sample of the annual reports 2020 of 160 manufacturing companies listed on the Hanoi Stock Exchange. Findings indicated that (1) The extent of the environmental information mandatory disclosure in 2020 was low (40.06%), (2) Factor CEOs' age is related to the level of environmental information mandatory disclosure whereas factors GENDER, EDU, MAJOR, FORN are not.

Keywords: Disclosure; environmental information; mandatory disclosure; CEOs' characteristics.

JEL: M21, M40, M14, E42.

1. Giới thiệu

Sự phát triển kinh tế toàn cầu đã tạo ra tác động đáng kể đến môi trường, gây áp lực buộc các DN phải không ngừng tìm kiếm những cách thức mới và sáng tạo, nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường một cách hiệu quả. Một trong những áp lực mà các DN phải đối mặt là, việc

trình bày và công bố thông tin môi trường, đặc biệt là các DN sản xuất, do các DN này tạo ra chất thải khó phân hủy ra môi trường trong quá trình sản xuất (Báo cáo Môi trường Quốc gia năm 2019), điều này sẽ gây ra áp lực lớn lên môi trường. Do đó,

các DN sản xuất không chỉ công bố thông tin tài chính theo quy định của pháp luật mà còn phải chịu trách nhiệm về những tác động tiêu cực đến môi trường, bằng cách công bố thông tin liên quan đến môi trường. Ô nhiễm bụi, ô nhiễm nguồn nước và

*Trường Đại học Tài chính – Marketing

các vấn đề môi trường khác hiện nay đang ngày càng gia tăng về số lượng cũng như mức độ ảnh hưởng. Vì vậy, các DN Việt Nam cần phải thể hiện trách nhiệm của mình, đối với môi trường và xã hội. Ngoài ra, các quốc gia này cần tuân thủ các tiêu chuẩn toàn cầu về bảo vệ môi trường và đảm bảo tính minh bạch của thông tin để đạt được lợi thế cạnh tranh, thu hút đầu tư và theo đuổi các mục tiêu phát triển bền vững.

Một số nghiên cứu trước đây cho rằng, đặc điểm của các giám đốc điều hành sẽ ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin tự nguyện về môi trường như: Lê and Nguyễn, (2011); Lewis và cộng sự, (2014); Razali và cộng sự, (2016); Jiang và Akbar, (2018); Li và cộng sự, (2019); Trần và Phạm, (2020),... Do đó, để xem xét liệu các đặc điểm của giám đốc điều hành có mối quan hệ với mức độ công bố bắt buộc thông tin môi trường hay không, tác giả đã tiến hành nghiên cứu: “Mối quan hệ giữa đặc tính của giám đốc điều hành và mức độ công bố bắt buộc thông tin môi trường của các DN sản xuất niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội”.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Công bố thông tin môi trường theo quy định của Việt Nam

Với mục tiêu phân tích mức độ bắt buộc công bố thông tin môi trường trong báo cáo thường niên của các DN sản xuất niêm yết trên HNX, bài báo đã lựa chọn các mục thông tin dựa trên hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Việt Nam (Bảng 1).

2.2. Giả thuyết nghiên cứu

Lý thuyết kinh tế về thông tin bất cân xứng, được phát triển vào những năm 1970 bởi Akerlof. Lý

thuyết này mô tả sự bất cân xứng thông tin xảy ra, khi một bên (cổ đông) tham gia giao dịch có ít thông tin hơn bên kia (người quản lý) hoặc thông tin không chính xác. Thông tin không cân xứng, sẽ làm cho bên ít thông tin hơn đưa ra quyết định không chính xác, khi thực hiện giao dịch và khiến bên có nhiều thông tin hơn có những hành động gây bất lợi cho bên kia, khi thực hiện nghĩa vụ giao dịch.

Theo lý thuyết thông tin bất cân xứng, các vấn đề bất cân xứng thông tin tồn tại trong mọi mối quan hệ, bởi các bên có mâu thuẫn về lợi ích kinh tế, Akerlof, (1970). Sự bất cân xứng thông tin tồn tại giữa người quản lý và các bên liên quan, vì vậy việc công bố thêm thông tin sẽ bắt nguồn từ người quản lý của công ty, Jensen và Meckling, (1976). Nghiên cứu của Karim và cộng sự, (2013), cho rằng có mối liên hệ giữa người quản lý của công ty, với mức độ công bố thông tin và đo lường bằng tuổi của người quản lý, kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kinh nghiệm quản lý, kinh nghiệm ngành nghề của công ty.

Tuổi của CEO

Li và cộng sự, (2019) nhận thấy rằng, độ tuổi của CEO đóng một vai trò quan trọng trong việc hiểu biết hoặc học hỏi những điều mới. Do đó, nhiều nghiên cứu đã cố gắng giải thích mối quan hệ giữa tuổi của CEO và quá trình ra quyết định, Alqatamin và cộng sự, (2017). Nghiên cứu của Alqatamin, (2017), cho thấy mối liên hệ tiêu cực đáng kể giữa mức độ công bố thông tin tương lai (Forward-looking information) và độ tuổi của CEO, cho thấy rằng các CEO lớn tuổi ít đưa ra dự báo hơn các CEO trẻ hơn. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của Lê and Nguyễn, (2011); Trần and Phạm, (2020); Li và cộng sự, (2019), cho thấy tuổi của CEO và CBTT môi trường không có mối quan hệ có ý nghĩa thống kê. Vì vậy, giả thuyết nghiên cứu được hình thành như sau:

H1: có mối quan hệ giữa tuổi của giám đốc điều hành và mức độ công bố bắt buộc thông tin môi trường.

Giới tính của CEO

Jiang và Akbar, (2018), nhận

Bảng 1: Tổng hợp mục công bố thông tin môi trường theo Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam

Mục	Mô tả
Quản lý nguồn nguyên vật liệu	Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm. Báo cáo tỷ lệ phân tram nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.
Tiêu thụ năng lượng	Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng
Tiêu thụ nước	Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng Tỷ lệ phân tram và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng
Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường	Số lần bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

(Nguồn: Thông tư 155/BTC (2015))

thấy rằng, các nữ CEO của các công ty tăng cường đầu tư vào môi trường. Nghiên cứu của Alqatamine và cộng sự, (2017), chỉ ra rằng, giới tính của CEO có mối quan hệ và tác động tích cực đến mức độ công bố thông tin. Nghiên cứu của Trần and Phạm, (2020), cho thấy giám đốc điều hành trong DN là nữ thì DN có nhiều khả năng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường hơn. Tuy nhiên, nghiên cứu của Lê và Nguyễn, (2011); Li và cộng sự, (2019), lại cho kết quả ngược lại, biến giới tính (GENDER) có hệ số âm và không có ý nghĩa thống kê. Điều này cho thấy, việc công bố thông tin môi trường sẽ không bị ảnh hưởng bởi giới tính của giám đốc điều hành. Do đó, giả thuyết nghiên cứu được xây dựng như sau:

H2: có mối quan hệ giữa giới tính của giám đốc điều hành và mức độ công bố bắt buộc thông tin môi trường.

Trình độ của CEO

Theo Li và cộng sự, (2019), các CEO có trình độ học vấn cao tự nguyện tiết lộ thông tin môi trường. Lewis và cộng sự, (2014), xác định rằng, giám đốc điều hành của DN có bằng MBA có nhiều khả năng công bố thông tin về môi trường hơn các công ty khác và nhận thấy rằng nền tảng giáo dục của CEO ảnh hưởng đến khả năng công bố thông tin của công ty. Trần và Phạm, (2020), nhận thấy rằng, các CEO được đào tạo tốt hơn ở cấp độ cơ bản có xu hướng quan tâm nhiều hơn đến các vấn đề liên quan đến công bố thông tin môi trường. Tuy nhiên, nghiên cứu của Razali, (2016), về các yếu tố nền tảng giáo dục như MBA cho kết quả không có mối quan hệ với việc công bố thông tin môi trường của các

Bảng 2: Các giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết	Dấu kỳ vọng
H1: Có mối quan hệ giữa tuổi của Giám đốc điều hành và mức độ công bố bắt buộc thông tin môi trường.	+/-
H2: Có mối quan hệ giữa giới tính của Giám đốc điều hành và mức độ công bố bắt buộc thông tin môi trường.	+/-
H3: Có mối quan hệ giữa trình độ học vấn của Giám đốc điều hành và mức độ công bố bắt buộc thông tin môi trường.	+/-
H4: Có mối quan hệ giữa chuyên ngành của Giám đốc điều hành và mức độ công bố bắt buộc thông tin môi trường.	+/-
H5: Có mối quan hệ giữa yếu tố nước ngoài của CEO và mức độ công bố bắt buộc thông tin môi trường	+/-

(Nguồn: tác giả tổng hợp)

công ty ở Malaysia. Do đó, giả thuyết sau được đề xuất:

H3: có mối quan hệ giữa trình độ học vấn của giám đốc điều hành và mức độ công bố bắt buộc thông tin môi trường.

Chuyên ngành của CEO

Nghiên cứu của Li và cộng sự, (2019); Trần và Phạm, (2020), cho thấy có mối quan hệ tích cực giữa các CEO có trình độ chuyên môn về tài chính - kế toán và các vấn đề liên quan đến môi trường. Tuy nhiên, nghiên cứu của Lê và Nguyễn, (2011) cho kết quả biến chuyên môn tài chính – kế toán có hệ số dương nhỏ và không có ý nghĩa thống kê. Điều đó có nghĩa là, không có mối liên hệ nào giữa việc đào tạo chuyên môn của các CEO và việc công bố thông tin về môi trường. Do đó, giả thuyết nghiên cứu được thiết lập như sau:

H4: có mối quan hệ giữa chuyên ngành của giám đốc điều hành và mức độ công bố bắt buộc thông tin môi trường.

Lý thuyết đại diện được phát triển bởi Jensen và Meckling, (1976), lý thuyết mô tả về mối quan hệ giữa người quản lý (agent) và cổ đông (principal), cổ đông ủy nhiệm cho

người quản lý quyền quản lý, điều hành DN và họ mong muốn nhà quản lý điều hành tốt, để giá trị cổ phần ngày càng tăng. Tuy nhiên, các nhà quản lý điều hành theo đuổi các mục tiêu khác với mục tiêu của cổ đông và xung đột lợi ích nảy sinh. Các công ty tiết lộ nhiều thông tin hơn tùy thuộc vào các nhà quản lý của công ty, để giảm sự bất cân xứng thông tin tồn tại giữa các nhà quản lý và các bên liên quan, Jensen và Meckling, (1976).

Theo Dương, (2019), hoạt động kinh doanh của các công ty bị ảnh hưởng bởi văn hóa của các nhà quản lý cấp cao, nếu các nhà quản lý cấp cao là người nước ngoài thì xu hướng cung cấp thông tin phi tài chính nhiều hơn. Do đó, yếu tố văn hóa công ty được đo lường bằng thước đo của CEO hoặc chủ tịch hội đồng quản trị là người nước ngoài. Kết quả nghiên cứu của Dương, (2019), không có mối quan hệ có ý nghĩa thống kê.

Trong nghiên cứu này, giả thuyết được thiết lập nhằm xem liệu có tồn tại mối quan hệ giữa yếu tố nước ngoài của CEO và việc công bố bắt buộc thông tin môi trường hay không. Giả thuyết nghiên cứu được xây dựng như sau:

H5: có mối quan hệ giữa yếu tố nước ngoài của CEO và mức độ công bố bắt buộc thông tin môi trường.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Đo lường công bố thông tin môi trường

Bài báo sử dụng phương pháp không trọng số để chấm điểm công bố thông tin môi trường như nghiên cứu Hawashe, (2014); Ta (2014); Lewis et al, (2014); Pham and Do, (2015); Razali et al, (2016); LI et al, (2019); Tran and Pham, (2020).

Theo phương pháp này, mục thông tin nếu được công bố trên báo cáo trách nhiệm hoặc các báo cáo khác thì được tính và cho điểm là 1, nếu không công bố thì được tính và cho điểm 0. Do đó, chỉ số công bố

$$EIMD_j = \sum_{i=1}^n dij$$

bắt buộc thông tin môi trường được tính theo công thức sau:

Trong đó:

- EIMD_j: Điểm công bố bắt buộc thông tin môi trường của công ty j, và $0 \leq EIMD_j \leq 10$

- dij = 1 nếu mục thông tin môi trường được công bố

- dij = 0 nếu mục thông tin môi trường không được công bố

- n: Số lượng mục thông tin môi trường công ty có thể công bố.

Các chỉ số công bố thông tin của một công ty được lập, với 10 mục trên cơ sở Thông tư 155/BTC, thông tư này đã được thay thế bằng Thông tư 96/BTC (2020) cho kỳ báo cáo năm 2021, nhưng do dữ liệu bài báo được lấy cho báo cáo thường niên 2020 nên vẫn sử dụng Thông tư 155/BTC. Các mục thông tin môi trường được công bố trong các báo cáo thường niên, báo cáo phát triển

Bảng 3: Các mục công bố thông tin môi trường

Các mục thông tin	Điểm
Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.	1
Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.	1
Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.	1
Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả	1
Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng	1
Nguồn cung cấp nước	1
Lượng nước sử dụng	1
Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng	1
Số lần bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường	1
Tổng số tiền bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường	1
Tổng cộng	10

Nguồn: Thông tư 155/BTC, (2015)

bền vững. Các thông tin môi trường được chọn như Bảng 3.

3.2. Mô hình hồi quy

Dựa trên các giả thuyết được xây dựng, mô hình hồi quy về mối liên hệ giữa đặc điểm của người quản lý và mức độ công bố bắt buộc thông tin môi trường được sử dụng trong nghiên cứu, nhằm kiểm định giả thuyết có dạng như sau:

$$EIMD = \beta_0 + \beta_1 AGE + \beta_2 GENDER + \beta_3 EDU + \beta_4 MAJOR + \beta_5 FORN + \epsilon$$

3.3. Mẫu nghiên cứu

Sản xuất được xem là một lĩnh vực thuộc ngành công nghiệp nhạy cảm (sensitive industries). Deegan và Gordon, (1996), mô tả các ngành công nghiệp nhạy cảm là những ngành gây tổn hại đến môi trường nhiều hơn so với các ngành công nghiệp khác. Cụ thể hơn, nghiên cứu của Raar, (2002), đã chỉ ra những nhóm ngành công nghiệp có nhiều tác động đến môi trường và người tiêu dùng nhất bao gồm: khai khoáng,

năng lượng, giấy, bao bì, hóa chất, nông nghiệp, thực phẩm, rượu và thuốc lá, vật liệu xây dựng, công nghệ sinh học... Do đó, trong nghiên cứu này, tác giả tập trung đánh giá việc công bố thông tin môi trường tại các DN sản xuất mà bỏ qua các DN thuộc ngành công nghiệp không nhạy cảm (non-sensitive industries).

Tác giả chọn báo cáo thường niên để phân tích công bố môi trường, vì báo cáo môi trường chưa được phát triển và phổ biến ở Việt Nam. Hơn nữa, nhiều nghiên cứu trước đây coi báo cáo thường niên là tài liệu quan trọng, để cung cấp thông tin môi trường của DN, Deegan và Rankin, (1997); Epstein và Freedman, (1994). Do đó, dữ liệu thu thập được bao gồm báo cáo thường niên năm 2020 của 160 công ty sản xuất niêm yết trên HNX.

Các báo cáo này được thu thập từ các website của các DN và từ các website www.hsx.vn, <http://s.cafef.vn>.

4. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

Bảng 5 thể hiện kết quả thống kê mức độ công bố bắt buộc thông tin môi trường của các DN niêm yết trong mẫu nghiên cứu. Trung bình mức độ công bố bắt buộc thông tin môi trường của các DN niêm yết với tỷ lệ 40.06%, đạt mức công bố thấp. Mức độ công bố thông tin môi trường thấp nhất, với tỷ lệ công bố 10%. Mức độ công bố thông tin môi trường cao nhất, với tỷ lệ là 90%. Ngoài ra, độ tuổi trung bình của CEO là 48,73 và độ lệch chuẩn là 0,73. Các biến khác bao gồm GENDER, EDU, MAJOR, FORN được định nghĩa là một biến giả, = 1 hoặc = 0.

Kết quả Bảng 6 cho thấy, giá trị của hệ số tương quan (R) là 0,282, điều này có nghĩa là tồn tại mối quan hệ giữa các biến trong mô hình. Như vậy, có mối liên hệ giữa đặc tính của giám đốc điều hành với mức độ công bố bắt buộc thông tin môi trường.

Kết quả Bảng 7 phân tích ANOVA cho thấy, giá trị Sig của kiểm định F (cột Sig.) là rất nhỏ (Sig = 0,024 < 0,05), điều đó cho thấy có sự tồn tại mối quan hệ tuyến tính giữa biến phụ thuộc công bố bắt buộc thông tin môi trường (EIMD) với các biến độc lập.

Đề kiểm tra mối quan hệ giữa các biến độc lập và EIMD, tất cả các biến đã được đưa vào mô hình hồi quy bội. Bảng 8 cho kết quả hồi quy mối quan hệ giữa biến Tuổi (AGE); biến giới tính (GENDER); biến Trình độ (EDU); biến Chuyên môn (MAJOR); biến CEO là người nước ngoài (FORN) và mức độ công bố bắt buộc thông tin môi trường. Kết quả hồi quy cho thấy, chỉ có một biến có mối quan hệ tích cực đáng kể với mức độ CBTT môi trường (EIMD), đó là biến Tuổi của CEO (AGE). Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Alquatamin, (2017).

Bảng 4: Do lường biến trong mô hình

Tên biến	Loại biến	Mô tả biến
EIMD	Định lượng	Công bố bắt buộc thông tin môi trường, bằng 1 nếu công ty công bố thông tin, và bằng 0 nếu không công bố.
AGE	Định lượng	Tuổi của CEO, được tính đến năm 2020.
GENDER	Dummy	Giới tính của CEO, bằng 1 nếu CEO là nam, và bằng 0 nếu CEO là nữ.
EDU	Dummy	Trình độ của CEO, bằng 0 nếu trình độ đại học, bằng 1 nếu sau đại học.
MAJOR	Dummy	Thuộc lĩnh vực tài chính, kế toán là 1; lĩnh vực khác là 0
FORN	Dummy	CEO là người nước ngoài thì bằng 1, bằng 0 nếu là người Việt Nam.
β		Hệ số hồi quy riêng từng phần
ϵ		Sai số của mô hình.

(Nguồn: tác giả tổng hợp)

Bảng 5: Thống kê các biến nghiên cứu

	N	Thấp nhất	Cao nhất	Trung bình	Độ lệch chuẩn
AGE	160	27	68	48.73	8.727
GENDER	160	0	1	.96	.205
EDU	160	0	1	.84	.370
MAJOR	160	0	1	.49	.501
FORN	160	0	1	.01	.079
EIMD	160	1	9	4.01	3.377
EIMDrate	160	10	90	40.06	33.768

(Nguồn: tác giả tổng hợp)

Bảng 6: Tóm tắt mô hình

Model Summary				
Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate
1	.282 ^a	.080	.050	32.916

a. Predictors: (Constant), FORN, GENDER, MAJOR, AGE, EDU

(Nguồn: tác giả tổng hợp)

Bảng 7: Bảng phân tích phương sai ANOVA^b

Mô hình	Tổng bình phương (Sum of Squares)	Độc tự do (df)	Trung bình bình phương (Mean Square)	Tỷ số F	Mức ý nghĩa Sig.
1 Regression	144.458	5	28.892	2.667	.024 ^a
Residual	1668.536	154	10.835		
Total	1812.994	159			

a. Predictors: (Constant), FORN, GENDER, MAJOR, AGE, EDU

b. Dependent Variable: EIMD

(Nguồn: tác giả tổng hợp)

Bảng 8: Coefficients^a

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa		Giá trị t	Mức ý nghĩa (Sig.)	Thông kê cộng tuyến	
	B	Std. Error	Beta				Dung sai	VIF
1 (Constant)	1.891	2.016			.938	.350		
AGE	.086	.030	.222		2.834	.005	.975	1.026
GENDER	-2.156	1.315	-.131		-1.639	.103	.936	1.069
EDU	.354	.813	.039		.435	.664	.752	1.330
MAJOR	-.602	.577	-.089		-1.044	.298	.815	1.227
FORN	-1.568	3.396	-.037		-.462	.645	.945	1.058

a. Dependent Variable: EIMD

(Nguồn: tác giả tổng hợp)

Hệ số β_1 cho độ tuổi biến độc lập của Giám đốc điều hành (AGE) bằng 0,222 và cho thấy mức độ công bố thông tin môi trường có quan hệ tỷ lệ thuận với tuổi của giám đốc điều hành. Điều này có nghĩa là, nếu biến AGE tăng một đơn vị thì chỉ số EIMD tăng 0,222 đơn vị.

5. Kết luận

Bài báo đã xem xét mối quan hệ giữa đặc tính của giám đốc điều hành và mức độ công bố bắt buộc thông tin môi trường của các công ty sản xuất niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), là các DN thuộc lĩnh vực nhạy cảm với môi trường tại Việt Nam. Các chỉ số công bố thông tin môi trường của một công ty được xây dựng trên cơ sở hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam, với mẫu nghiên cứu gồm 160 công ty sản xuất niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Kết quả chỉ ra rằng, mức độ công bố thông tin môi trường trung bình của các DN niêm yết trong mẫu nghiên cứu là 40,06%, tương tự như nghiên cứu của Li và cộng sự, (2019), với điểm công bố trung bình là 40,17%.

Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, tuổi của CEO có ảnh hưởng tích cực và đáng kể đến mức độ công bố bắt buộc thông tin môi trường của các công ty sản xuất niêm yết trên HNX. Từ kết quả này cho thấy, các công ty sản xuất niêm yết cần quan tâm đến độ tuổi của CEO như là một trong những tiêu chí cần được xem xét trong quá trình ra quyết định bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo trong công ty, nhằm tăng cường mức độ công bố thông tin môi trường. ■

Tài liệu tham khảo

1. Akerlof G.A, (1970), The market for "lemons": Quality uncertainty and the market mechanism. *The Quarterly Journal of Economics* 84(3):488-500.
2. Alqatamin, R.; Aribi Z. A.; Arun T.; (2017), The effect of CEOs' characteristics on forward-looking information. *Journal of Applied Accounting Research*, Emerald Group Publishing, vol. 18(4), pages 402-424, November.
3. Deegan, C., & Gordon, B, (1996), A Study of The Environmental Disclosure Practices of Australian Corporations. *The Accounting Review*, 26(3), 187-200.
4. Dương, Khue H.N, (2019), Mức độ CBTT phi tài chính và các nhân tố tác động đến mức độ CBTT phi tài chính của các DN niêm yết Việt Nam, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế TP HCM.
5. Deegan, C., & Rankin, M, (1997), The materiality of environmental information to users of accrual reports. *Accounting, Auditing and Accountability Journal*, 10(4), 562-583.
6. Epstein, M.J, & Freedman, M, (1994), Social Disclosure and the Individual Investor. *Accounting, Auditing & Accountability Journal*, 7 (4), 94-109.
7. Jensen, M. and Meckling, W, 1976, 'Theory of the firm: Managerial behavior, agency costs and ownership structure'. *Journal of Financial Economics*, 3(4), 305 - 60.
8. Jiang, X., & Akbar, A, (2018), Does increased representation of female executives improve corporate environmental investment? Evidence from China. *Sustainability*, 10(12), 4750
9. Hawashe, A. M. D, (2014), 'An evaluation of Voluntary Disclosure in the annual reports of commercial banks: empirical evidence from Libya', Submitted in Partial Fulfillment of The Requirements of the Degree of Doctor of Philosophy. School of the Bullt Environment, college of Science and Technology University of Salford, Salford UK.
10. Skouloudis, A., Jones, N., Malesios, C., Konstantinos, E., (2013), 'Trends and determinants of corporate non-financial disclosure in Greece', *Journal of Cleaner Production*, Vol 68, 174-188
11. Lewis, B.W.; Walls, J. L.; Dowell G.W.S., (2014), Difference in degrees: CEO characteristics and firm environmental disclosure. *Strategic Management Journal*, 35: 712-722
12. LI, D.; LIN, A.; ZHANG, L, (2019), Relationship between Chief Executive Officer characteristics and corporate environmental information disclosure in Thailand. *Frontiers of Engineering Management*, 2019, 6(4): 564-574.
13. Lê, T. H. H.; Nguyễn, C. Đ, (2011), CEO và vấn đề tự nguyện CBTT của các DN niêm yết. *Công nghệ Ngân hàng*, 66(9), 3-8.
14. Ministry of Finance, (2015), Circular No. 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 guiding for information disclosure on securities market.
15. Ministry of Finance, (2020), Circular No. 96/2015/TT-BTC on November 16, 2020 guiding for information disclosure on securities market.
16. Pham, D. H. and Do, T. H. L, (2015), 'Factors Influencing Voluntary Disclosure of Vietnamese Listed Companies', *Journal of Modern Accounting and Auditing*, 11(12): 656-76.
17. Raar, J, (2002), *Environmental Initiative: Towards Triple Bottom Line Reporting*. *Corporate Communications: An International Journal*, 7(3), 169-183.
18. Razali, M.W.M; Roslanie, F.A.B; Brahmana, R.K.; Ali S.S.S, (2016), Does CEO characteristics play important role on Malaysian firms' environmental disclosure?. *International journal of business research*, 16(2), 27-36.
19. Ta, Q. B., (2014), 'A Case Study of Voluntary Disclosure By Vietnamese Listed Companies', *International Journal of Management Sciences and Business Research*, 3(4).
20. Tran, N.M; Pham, B.N, (2020), The influence of CEO characteristics on corporate environmental performance of SMEs: Evidence from Vietnamese SMEs. *Management Science Letter* 10 (2020), 1671-1682.
21. Vietnam Environment Administration, (2019), Report on the current state of the national environment in 2019 - Domestic solid waste management.
22. Website cafef. <http://s.cafef.vn>.